



Tháng 01/2025

Bản tin

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KMC

Hotline: +84 81 489 4789 (English) | +84 91 988 9331 (Japanese)

URL: www.kmc.vn | Email: info@kmc.vn

Nội dung

<u>1</u>	Công văn 227/CTTVI-TTHT ngày 21/01/2025 do Cục Thuế Tỉnh Trà Vinh ban hành v/v thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ nước ngoài.	TNCN
<u>2</u>	Công văn số 32578/CTBDU-TTHT ngày 26/12/2024 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v Chính sách thuế TNCN đối với khoản trợ cấp hưu trí một lần chi trả từ quỹ hưu trí tự nguyện ở nước ngoài.	TNCN
<u>3</u>	Công văn số 5257/CTLAN-TTHT ngày 21/11/2024 của Tổng cục Thuế tỉnh Long An v/v Chính sách thuế chính sách thuế đối với quà tặng cho người lao động.	TNCN
<u>4</u>	Công văn số 32592/CTBDU-TTHT ngày 26/12/2024 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v Chính sách thuế TNCN đối với khoản công tác phí của người lao động.	TNCN
<u>5</u>	Công văn 581/CTBDU-TTHT ngày 14/01/2025 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp.	TNDN
<u>6</u>	Công văn số 96/TCT-CS ngày 08/01/2025 do Tổng Cục Thuế ban hành v/v Chính sách thuế TNDN đối với đối với hoạt động cho thuê trang trại của các doanh nghiệp.	TNDN

Nội dung

<u>7</u>	Công văn số 33190/TCBDU-TTHT ngày 30/12/2024 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v Chính sách thuế TNDN.	TNDN
<u>8</u>	Công văn số 591/CTBDU-TTHT ngày 14/01/2025 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v hoàn thuế giá trị gia tăng.	GTGT
<u>9</u>	Công văn số 575/CTBDU-TTHT ngày 14/01/2025 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v chính sách thuế đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản.	GTGT
<u>10</u>	Công văn số 5264/CTLAN-TTHT ngày 21/11/2024 của Tổng cục Thuế tỉnh Long An v/v ưu đãi thuế TNDN, hoàn thuế GTGT dự án đầu tư.	GTGT
<u>11</u>	Công văn số 5544/CTLAN-TTHT ngày 06/12/2024 của Tổng cục Thuế tỉnh Long An v/v chính sách thuế GTGT đối với hàng tạm nhập tái xuất.	GTGT
<u>12</u>	Công văn số 253/CTHN-TTHT ngày 03/01/2025 do Cục Thuế TP Hà Nội ban hành v/v về việc xác định thuế suất thuế GTGT dịch vụ xuất khẩu.	GTGT

Nội dung

<u>13</u>	Công văn 267/TCT-CS ngày 17/01/2025 do Tổng Cục Thuế ban hành v/v chính sách thuế giá trị gia tăng.	GTGT
<u>14</u>	Công văn số 245/CTBDU-TTHT ngày 08/01/2025 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v chính sách thuế.	GTGT
<u>15</u>	Công văn số 99/TCT-CS ngày 08/01/2025 do Tổng Cục Thuế ban hành v/v thuế GTGT.	GTGT
<u>16</u>	Công văn số 590/CTBDU-TTHT ngày 14/01/2025 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v chuyển nhượng vốn gắn với bất động sản.	KHAC
<u>17</u>	Công văn số 6369/TCT-DNL ngày 31/12/2024 do Tổng Cục Thuế ban hành v/v Thông báo thông tin các nhà cung cấp nước ngoài chưa thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế.	KHAC
<u>18</u>	Công văn số 32593/CTBDU-TTHT ngày 26/12/2024 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v về việc thanh toán bù trừ công nợ.	KHAC

Nội dung

<u>19</u>	Công văn 216/TCT-PC ngày 15/01/2025 do Tổng Cục Thuế ban hành v/v xử phạt hành vi vi phạm hành chính về thuế, hoá đơn.	HĐ
<u>20</u>	Công văn 32591/CTBDU-TTHT ngày 26/12/2024 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v xuất hóa đơn cho mượn máy móc.	HĐ

1 Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ nước ngoài

Công văn 227/CTTVI-TTHT ngày 21/01/2025 do Cục Thuế Tỉnh Trà Vinh ban hành v/v thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ nước ngoài

- Trường hợp cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công được trả từ nước ngoài; cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại Việt Nam nhưng được trả từ nước ngoài thuộc diện trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế theo quy định tại tiết a.2, điểm a, khoản 3 Điều 19 Thông tư số 80/2021/TT-BTC. Việc xác định cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú thực hiện theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

1 Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ nước ngoài

- Căn cứ tính thuế TNCN đối với cá nhân không cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính; đối với cá nhân cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính và kỳ khai thuế TNCN được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Việc xác định thu nhập chịu thuế đối với cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 119/2014/TT-BTC.
- Hồ sơ khai thuế TNCN đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế thực hiện theo quy định tại điểm 9.2, Mục 9 Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế (Kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ).

2 Chính sách thuế TNCN đối với khoản trợ cấp hưu trí một lần chi trả từ quỹ hưu trí tự nguyện ở nước ngoài

Công văn số 32578/CTBDU-TTHT ngày 26/12/2024 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v Chính sách thuế TNCN đối với khoản trợ cấp hưu trí một lần chi trả từ quỹ hưu trí tự nguyện ở nước ngoài:

Công ty có người lao động nước ngoài được cử sang làm việc tại Việt Nam theo diện di chuyển nội bộ Công ty nếu cá nhân đó tham gia Quỹ hưu trí tự nguyện theo quy định của Quốc gia nơi cá nhân đó mang quốc tịch thì khoản thu nhập tiền lương hưu từ Quỹ hưu trí tự nguyện mà cá nhân nhận được là khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập cá nhân, không phụ thuộc vào các hình thức nhận chi trả.

3 Chính sách thuế đối với quà tặng cho người lao động

Công văn số 5257/CTLAN-TTHT ngày 21/11/2024 của Tổng cục Thuế tỉnh Long An v/v Chính sách thuế chính sách thuế đối với quà tặng cho người lao động:

Công ty tặng quà cho người lao động nếu việc tặng quà này không mang tính chất tiền lương, tiền công và không thuộc các quy định tại khoản 10 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì không phải chịu thuế thu nhập cá nhân từ nhận quà tặng. Trường hợp Công ty chi khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền mang tính chất tiền lương, tiền công cho người lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC thì tính vào thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công.

4 Chính sách thuế TNCN đối với khoản công tác phí của người lao động

Công văn số 32592/CTBDU-TTHT ngày 26/12/2024 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v Chính sách thuế TNCN đối với khoản công tác phí của người lao động:

Nếu Công ty có phát sinh khoản chi tiền vé máy bay, tiền khách sạn, các khoản công tác phí... cho người lao động đi công tác phù hợp với quy chế nội bộ của đơn vị và được xác định là khoản công tác phí theo quy định của pháp luật theo hướng dẫn chi tiết d khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động. Trường hợp đơn vị chi tiền công tác phí cho người lao động cao hơn mức khoán chi quy định thì phần chi cao hơn mức khoán chi quy định phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

4 Chính sách thuế TNCN đối với khoản công tác phí của người lao động

Mức khoán chi không tính vào thu nhập chịu thuế:

- **Cán bộ, công chức, người làm việc trong cơ quan hành chính sự nghiệp:**

Áp dụng mức khoán chi theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- **Người lao động trong tổ chức kinh doanh, văn phòng đại diện:**

Mức khoán chi phù hợp với quy định về thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

- **Người lao động trong tổ chức quốc tế, văn phòng đại diện nước ngoài:**

Thực hiện theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc văn phòng đại diện.

4 Chính sách thuế TNCN đối với khoản công tác phí của người lao động

Các khoản không tính vào thu nhập chịu thuế:

- Chi phí phương tiện đưa đón tập thể người lao động (nếu đưa đón riêng thì tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân).
- Chi trả hộ tiền đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề phù hợp với công việc hoặc theo kế hoạch của đơn vị sử dụng lao động.

Các khoản lợi ích khác không chịu thuế:

- Chi trong các ngày nghỉ, lễ.
- Thuê dịch vụ tư vấn hoặc khai thuế cho cá nhân hoặc nhóm.
- Chi cho người giúp việc gia đình (lái xe, nấu ăn, v.v.) theo hợp đồng lao động.

5 Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp

Công văn 581/CTBDU-TTHT ngày 14/01/2025 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp:

Trường hợp dự án đầu tư đã kết thúc quá trình đầu tư và đi vào hoạt động. Trong quá trình hoạt động, Công ty có bổ sung máy móc, thiết bị để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thì phần thu nhập phát sinh từ các máy móc, thiết bị bổ sung thêm được xác định cụ thể như sau: Nếu máy móc, thiết bị Công ty bổ sung sau thời điểm dự án đầu tư đã đi vào hoạt động, đồng thời hoạt động bổ sung máy móc, thiết bị này không thuộc hoạt động đầu tư thường xuyên theo quy định hoặc không đáp ứng điều kiện về đầu tư mở rộng thì phần thu nhập phát sinh từ máy móc, thiết bị bổ sung nêu trên không được hưởng ưu đãi về thuế TNDN.

Trường hợp trong cùng một kỳ tính thuế nếu có một khoản thu nhập thuộc diện áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi và thời gian miễn thuế, giảm thuế theo nhiều trường hợp khác nhau thì Công ty tự lựa chọn một trong những trường hợp ưu đãi thuế TNDN có lợi nhất để áp dụng.

Chính sách thuế TNDN đối với đối với hoạt động cho thuê trang trại của các doanh nghiệp

Công văn số 96/TCT-CS ngày 08/01/2025 do Tổng Cục Thuế ban hành v/v Chính sách thuế TNDN đối với đối với hoạt động cho thuê trang trại của các doanh nghiệp:

Thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp; thu nhập từ dự án đầu tư mới thực hiện tại địa bàn xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Trường hợp doanh nghiệp không thực hiện đúng mục tiêu của dự án (là dự án chăn nuôi) trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư đã cấp thì doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động cho thuê trang trại.

7 Chính sách thuế TNDN đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

Công văn số 33190/TCBDU-TTHT ngày 30/12/2024 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v Chính sách thuế TNDN:

Trường hợp Công ty có phát sinh giao dịch liên kết, thì tổng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ.

8 Hoàn thuế giá trị gia tăng

Công văn số 591/CTBDU-TTHT ngày 14/01/2025 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v hoàn thuế giá trị gia tăng:

Trường hợp nếu Công ty đáp ứng điều kiện theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/03/2018 của Bộ Tài chính thì thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định.

Hồ sơ thủ tục hoàn thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn tại Điều 28 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ Tài chính.

9 Chính sách thuế đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công văn số 575/CTBDU-TTHT ngày 14/01/2025 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v chính sách thuế đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản:

Trường hợp Công ty dự kiến phát sinh hoạt động chuyển nhượng bất động sản, nếu hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo đúng quy định pháp luật thì thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

Giá tính thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản được quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/07/2022 của Chính phủ.

10 Ưu đãi thuế TNDN, hoàn thuế GTGT dự án đầu tư

Công văn số 5264/CTLAN-TTHT ngày 21/11/2024 của Tổng cục Thuế tỉnh Long An v/v ưu đãi thuế TNDN, hoàn thuế GTGT dự án đầu tư:

Trường hợp Công ty có dự án đầu tư mới đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư lũy kế chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên nếu đáp ứng theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ thì được hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư. Công ty lập hồ sơ khai thuế GTGT riêng cho từng dự án đầu tư theo quy định điểm d Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ theo mẫu 02/GTGT phụ lục II Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

11 Chính sách thuế GTGT đối với hàng tạm nhập tái xuất

Công văn số 5544/CTLAN-TTHT ngày 06/12/2024 của Tổng cục Thuế tỉnh Long An v/v chính sách thuế GTGT đối với hàng tạm nhập tái xuất:

Trường hợp Công ty có phát sinh hàng hóa là hàng tạm nhập, tái xuất thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại khoản 20 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Công ty lập hóa đơn GTGT theo quy định tại Điều 4, Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Thuế GTGT đầu vào của các hóa đơn liên quan đến hàng tạm nhập tái xuất thì không được khấu trừ thuế GTGT theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và không được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính. Các chi phí phát sinh liên quan đến hàng tạm nhập tái xuất được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

11 Chính sách thuế GTGT đối với hàng tạm nhập tái xuất

Điều 29 Luật Thương mại 2005 về tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập hàng hoá được quy định cụ thể như sau:

- Tạm nhập, tái xuất hàng hóa là việc hàng hoá được đưa từ nước ngoài hoặc từ các khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật vào Việt Nam, có làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và làm thủ tục xuất khẩu chính hàng hoá đó ra khỏi Việt Nam.
- Tạm xuất, tái nhập hàng hóa là việc hàng hoá được đưa ra nước ngoài hoặc đưa vào các khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật, có làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam và làm thủ tục nhập khẩu lại chính hàng hoá đó vào Việt Nam.

12 Xác định thuế GTGT dịch vụ xuất khẩu

Công văn số 253/CTHN-TTHT ngày 03/01/2025 do Cục Thuế TP Hà Nội ban hành v/v về việc xác định thuế suất thuế GTGT dịch vụ xuất khẩu:

Áp dụng thuế suất 0% với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp các dịch vụ cung ứng tại Việt Nam cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài sau đây:

- Thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, văn hóa, giải trí, hội nghị, khách sạn, đào tạo, quảng cáo, du lịch lữ hành
- Dịch vụ thanh toán qua mạng
- Dịch vụ cung cấp gắn với việc bán, phân phối, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa tại Việt Nam

12 Xác định thuế GTGT dịch vụ xuất khẩu

Căn cứ các quy định và hướng dẫn nêu trên, doanh thu chia sẻ từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với công ty nước ngoài và các đối tác quảng cáo ở nước ngoài của công ty áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% theo hướng dẫn tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ tài chính.

Công văn 267/TCT-CS ngày 17/01/2025 do Tổng Cục Thuế ban hành v/v chính sách thuế giá trị gia tăng:

Trường hợp công ty có dự án đầu tư mới (dự án đầu tư được chia thành nhiều hạng mục đầu tư), đang trong giai đoạn đầu tư, có số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư, sau khi bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện (nếu có), nếu số thuế giá trị gia tăng đầu vào lũy kế của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.

14 Chính sách thuế GTGT

Công văn số 245/CTBDU-TTHT ngày 08/01/2025 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v chính sách thuế:

Khi Công ty thực hiện chương trình tặng hàng hóa không thu tiền cho khách hàng và công nhân viên, nếu chương trình khuyến mại tuân thủ đúng quy định của pháp luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, thì Công ty phải lập hóa đơn GTGT. Trên hóa đơn, ghi rõ tên và số lượng hàng hóa, đồng thời ghi chú là hàng tặng không thu tiền, và giá tính thuế đối với hàng tặng được xác định là 0.

Khi khách hàng đã nhận hàng và muốn trả lại toàn bộ hoặc một phần hàng hóa, dù công ty đã lập hóa đơn bán hàng thì vẫn phải lập hóa đơn hoàn trả hàng hóa để điều chỉnh giảm hoặc thay thế hóa đơn đã lập trước đó. Công ty và bên mua cần thỏa thuận và ghi rõ việc trả lại hàng bán, kèm theo hóa đơn điều chỉnh hoặc hóa đơn thay thế. Việc xử lý hóa đơn sai sót được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ và điểm c Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 78/2021/TT-BTC Bộ Tài chính.

15 Chính sách thuế GTGT

Công văn số 99/TCT-CS ngày 08/01/2025 do Tổng Cục Thuế ban hành v/v thuế GTGT

Trường hợp Cục Thuế đã thực hiện hoàn thuế đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu chưa có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì Cục Thuế thực hiện thu hồi số thuế GTGT đã hoàn chưa có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo đúng quy định của Luật Thuế GTGT và pháp luật quản lý thuế.

16 Chuyển nhượng vốn gắn với bất động sản

Công văn số 590/CTBDU-TTHT ngày 14/01/2025 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v chuyển nhượng vốn gắn với bất động sản

Trường hợp bên chuyển nhượng vốn và bên nhận chuyển nhượng vốn đều là các tổ chức nước ngoài không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp tại Việt Nam thì khi chuyển nhượng vốn Công ty có trách nhiệm kê khai và nộp thay số thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng vốn của tổ chức nước ngoài. Việc xác định thu nhập từ chuyển nhượng vốn, Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 14 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính). Công ty thực hiện kê khai theo mẫu số 06/TNDN (áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản ban hành kèm theo Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính) và thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

Nhà cung cấp nước ngoài chưa thực hiện đăng ký, kê khai và nộp thuế

Công văn số 6369/TCT-DNL ngày 31/12/2024 do Tổng Cục Thuế ban hành v/v Thông báo thông tin các nhà cung cấp nước ngoài chưa thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế

Tổng cục Thuế đề nghị Hội sở chính của Ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung thanh toán thực hiện thông báo danh sách các nhà cung cấp nước ngoài cho các chi nhánh của ngân hàng để các chi nhánh thực hiện kê khai, khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế khi thực hiện thanh toán cho các giao dịch với nhà cung cấp nước ngoài theo quy định.

18 **Bù trừ công nợ**

Công văn số 32593/CTBDU-TTHT ngày 26/12/2024 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v về việc thanh toán bù trừ công nợ

Trường hợp Công ty phát sinh khoản phải thu từ khách hàng, đồng thời phát sinh khoản phải trả khách hàng nước ngoài, nếu trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng giữa Công ty và khách hàng có quy định hình thức thanh toán bù trừ và giữa các bên có biên bản đối chiếu số liệu, xác nhận về việc thanh toán bù trừ thì được xem là thanh toán không dùng tiền mặt để làm cơ sở cho Công ty hạch toán chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC và kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC

18 Bù trừ công nợ

Điều kiện chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN (Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC):

- Chi thực tế phát sinh: Liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Hóa đơn hợp pháp: Các khoản chi phải có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định.
- Thanh toán không dùng tiền mặt: Các khoản chi có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên cần có chứng từ thanh toán qua ngân hàng hoặc phương thức không dùng tiền mặt khác.

18 **Bù trừ công nợ**

Điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào (Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC):

- Bù trừ công nợ giữa hàng hóa, dịch vụ mua vào và bán ra:

Cần có biên bản đối chiếu, xác nhận thanh toán bù trừ và hợp đồng quy định rõ ràng phương thức thanh toán.

- Bù trừ công nợ qua bên thứ ba:

Cần biên bản ba bên và hợp đồng vay/mượn tiền hoặc chuyển tiền qua ngân hàng.

- Ủy quyền thanh toán qua bên thứ ba:

Việc thanh toán phải được quy định trong hợp đồng và có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

19 Xử phạt hành vi vi phạm hành chính về thuế, hoá đơn

Công văn 216/TCT-PC ngày 15/01/2025 do Tổng Cục Thuế ban hành v/v xử phạt hành vi vi phạm hành chính về thuế, hoá đơn:

1. Mức tiền phạt: Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định mức tiền phạt cho từng hành vi vi phạm do Chính phủ quy định, nhưng không vượt quá mức tối đa theo từng lĩnh vực quản lý nhà nước tại Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Vi phạm về thuế, hóa đơn có khung tiền phạt riêng theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021), và nếu có nhiều vi phạm, chỉ ban hành một quyết định xử phạt cho tất cả hành vi đó. Số tiền phạt là tổng của từng hành vi vi phạm mà không bị giới hạn theo mức tối đa quy định tại điểm c, điểm đ khoản 1 Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

19 Xử phạt hành vi vi phạm hành chính về thuế, hoá đơn

2. Tình tiết tăng nặng "vi phạm hành chính có quy mô lớn": Nếu vi phạm về hóa đơn có từ 10 số hóa đơn trở lên, sẽ áp dụng tình tiết tăng nặng này. Tuy nhiên, nếu có nhiều hành vi vi phạm hóa đơn trong một lần xử phạt, không áp dụng tình tiết này trừ khi vi phạm là từ 10 hóa đơn trở lên.

3. Tình tiết tăng nặng "vi phạm hành chính nhiều lần": Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhiều lần mà chưa bị xử lý, từ hành vi vi phạm thứ hai trở đi sẽ bị xử phạt nặng hơn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Tóm lại, các quy định tập trung vào việc xử lý các vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, áp dụng các tình tiết tăng nặng khi vi phạm có quy mô lớn hoặc tái phạm nhiều lần.

20 Xuất hóa đơn cho mượn máy móc

Công văn 32591/CTBDU-TTHT ngày 26/12/2024 do Cục Thuế Tỉnh Bình Dương ban hành v/v xuất hóa đơn cho mượn máy móc

Trường hợp nếu Công ty phát sinh hoạt động cho mượn máy móc thì Công ty lập hóa đơn và khi khách hàng hoàn trả máy móc thì Công ty lập hóa đơn hoàn trả theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP. Về nội dung của hóa đơn, Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định 123/2020/NĐ-CP. Trường hợp chi phí khấu hao tài sản cố định trong thời gian cho mượn không sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh thì không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC nêu trên.

Viết tắt

GTGT	Giá trị gia tăng	BTC	Bộ Tài Chính
TNCN	Thu nhập cá nhân	TCT	Tổng Cục Thuế
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp	BCT	Bộ Công Thương
TNT	Thuế nhà thầu	BLĐTBXH	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt	KHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
XNK	Xuất nhập khẩu	NHNNVN	Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam
THT	Tổng hợp thuế	DNCX	Doanh nghiệp Chế xuất
CV	Công văn	KCX	Khu Chế xuất
TM	Tiền mặt	KCN	Khu Công nghiệp



Tháng 01/ 2025

Bản tin

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KMC

Hotline: +84 81 489 4789 (English) | +84 91 988 9331 (Japanese)

URL: www.kmc.vn | Email: info@kmc.vn

Bản tin KMC nhằm cập nhật và tóm tắt những quy định chung liên quan đến Thuế, Kế toán, Đầu tư và Lao động ở Việt Nam. Quý vị nên tham khảo ý kiến chuyên môn trước khi đưa ra quyết định.





Thông tin liên hệ.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KMC

VĂN PHÒNG TẠI HỒ CHÍ MINH

Phòng 603, Lầu 6, Tòa nhà Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: +84 8 3820 5731/ 2 | Fax: +84 8 3820 0906

VĂN PHÒNG TẠI HÀ NỘI

Tầng 19, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 81 489 4789

VĂN PHÒNG TẠI TOKYO

Corporate Advisers Inc

Japan Tokyo-to Chiyoda-ku, Kasumigaseki 3-2-5 Kasumigaseki Building 33F

Tel: +81 3 3593 3238 | Fax: +81 3 3593 3248



URL: www.kmc.vn

Email: info@kmc.vn

Hotline in English: +84 81 489 4789

Hotline in Japanese: +84 91 988 9331

